TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2023/HS-ST
Ngày 19-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Thanh Bự

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Ngọc Đ**; sinh ngày 28/3/1999 tại huyện Đ, tỉnh Cà Mau; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Rửa xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Ngọc C và bà Lê Thu H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Lê Quang K, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

2. Ông Đoàn Ngọc C, sinh năm 1963 (có mặt).

3. Bà Lê Thu H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 08/6/2023 Lê Quang K điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 69F1-38768 đến tiệm của Đoàn Ngọc Đ để rửa xe. Sau khi rửa xong, K mở cốp xe lấy ví để trả tiền rửa xe cho Đ, sau đó bỏ ví lại vào cốp xe nhưng đóng yên xe không sát rồi đi qua trại tôm giống Ái Vân cách đó 20m để mua tôm. Lúc này Đ nảy sinh ý định lấy trộm tiền trong ví để trong cốp xe của K nên vào nhà điều chỉnh camera hướng lên nóc nhà để camera không quay đến vị trí xe K đang đậu. Đ mở cốp xe của K lấy số tiền 4.300.000 đồng trong ví rồi bỏ ví tiền lại trong cốp. Khoảng 03 phút sau K quay lại dẫn xe qua trại tôm giống để trả tiền tôm thì phát hiện mất số tiền nêu trên nên đã trình báo Công an xã T. Qua làm việc, Đ thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của K.

Ngoài ra, khoảng 15 giờ ngày 08/8/2023, lợi dụng cha mẹ là ông Đoàn Ngọc C và bà Lê Thu H đi đám vắng nhà, Đ trèo vào phòng ngủ của ông C, bà H lấy trộm số tiền 2.000.000 đồng. Khi về nhà, ông C, bà H phát hiện mất tài sản nên đã trình báo Công an xã T. Qua làm việc, Đ thừa nhận hành vi lấy trộm số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 23/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Đoàn Ngọc Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Bị hại K đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại Châu đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: về trách nhiệm hình sự, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày rất ăn năn hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cho bị hại Lê Thu H nhưng bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy lời khai của bị hại H trong quá trình điều tra đã rõ, không ảnh hưởng đến quá trình

xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại Hận.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đoàn Ngọc Đ thừa nhận lợi dụng sự sơ hở của người đang quản lý tài sản nên bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 4.300.000 đồng của ông Lê Quang K vào ngày 08/6/2023 và số tiền 2.000.000 đồng do ông Đoàn Ngọc C và bà Lê Thu H vào ngày 08/8/2023.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 23/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Đoàn Ngọc Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3]. Về trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân và bản tính lười lao động mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm tài sản 02 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của bị hại C về việc đề nghị cho bị cáo hưởng án treo mà quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị hại K, C đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, từ đó áp dụng mức hình phạt khởi điểm của khung cũng đủ để bị cáo có thời gian cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Ngọc Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự:

Xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 03/10/2023.

3. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, ông K, ông C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý